

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 154 /2018/QĐST-HNGĐ

Q, ngày 23 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

-Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình thụ lý số 158 /2018/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2018. Giữa:

Nguyên đơn: **Anh Hoàng Anh V**, sinh ngày 10-9-1986.

Quê quán: Xã Phù N, huyện Phong Ch, tỉnh Phú Thọ; ĐKKHKT: Thôn Năm T, xã Sài S, huyện Q, Thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Số nhà 12B-08A, tòa nhà HH1, lô A 13, đường Lê Trọng T, huyện H, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: **Chị Đặng Thu Th**, sinh ngày 16-9-1990.

ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Năm T, xã Sài S, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1-Bà **Lê Thị Đ** sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số nhà 111, tổ 4, khu Đồng G 1, thị trấn Phong Ch, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ (mẹ đẻ anh V)

2-Bà **Lê Thị Thanh H**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số nhà 218, đường Hùng V, phường Tích S, thị xã Vĩnh Y, tỉnh Vĩnh Phúc (đã ủy quyền cho bà Lê Thị Đ theo giấy ủy quyền ngày 16/6/2018)

3-Ông **Đặng Văn Kh** sinh năm 1959. ĐKKHKT và nơi ở: Thôn Năm T, xã Sài S, huyện Q, thành phố Hà Nội (bố đẻ chị Th)

4-Ngân hàng **TMCP Tiên Phong**.

Trụ sở chính: Tòa nhà TP Bank, số 57 lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh Ph- Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền thứ nhất: Ông Nguyễn H- Chức vụ: Tổng giám đốc. Theo quyết định ủy quyền số 111/2012/QĐ-TPB.HĐQT ngày 10/8/2012;

Đại diện ủy quyền thứ hai: Ông Nguyễn Việt C, ông Giang Đức T và ông Nguyễn Vũ L, theo giấy ủy quyền số 270/2018/UQ-TPB.RB ngày 12/9/2018.

-Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

-Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; khoản 7, Điều 26. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

-Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Hoàng Anh V với chị Đặng Thu Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về con chung: Anh Hoàng Anh V và chị Đặng Thu Th có 01 con chung là cháu Hoàng Bảo Minh T, sinh ngày 25/10/2016 khi ly hôn hai bên thoả thuận: Chị Đặng Thu Th tiếp tục được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Tùng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định khác.

Anh V được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V và chị Th tự nguyện thoả thuận. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 tháng, mỗi tháng cấp dưỡng một lần bắt đầu từ tháng 10 năm 2018 đến khi đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Thủy làm đơn yêu cầu thi hành án nếu anh V không thi hành thì hàng tháng anh V còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền là 10%/năm (theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự)

2.2.Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh V và chị Th đã tự nguyện giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh V tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010533 ngày 21/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Trả lại anh Hoàng Anh V 21.000.000 đồng (hai mươi một triệu đồng)

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Kiều Văn Thành